

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 27/2018/DS-PT

Ngày 30 - 5 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến

Thẩm phán tham gia: Ông Lương Đức Dương và ông K'Tiêng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án số: 03/2018/DS-ST ngày 08 tháng 2 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P – có mặt

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông

- Bị đơn: Bà Vi Thị L – có mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 – có mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông

2. NLQ2

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P – có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 22/8/2017)

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông

- Người kháng cáo: Bà Vi Thị L – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2017 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Do

có sự quen biết từ trước nên cuối năm 2015 bà P cho bà Vi Thị L vay số tiền 280.000.000 đồng, đến đầu năm 2016 bà P tiếp tục cho bà L vay số tiền 300.000.000 đồng, tổng số tiền là 580.000.000 đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi suất nhưng chỉ thỏa thuận miệng và không xác định mức lãi suất cụ thể. Sau khi vay bà L thanh toán nhiều lần cụ thể:

Đối với khoản vay cuối năm 2015: Bà L vay 280.000.000 đồng, bà L đã thanh toán được một phần, đến ngày 14/8/2016 âm lịch các bên tiến hành chốt nợ trong đó: Nợ gốc: 80.000.000 đồng; nợ lãi lần 1: 4.800.000 đồng, lần 2: 19.000.000 đồng tổng 103.800.000 đồng làm tròn còn 103.000.000 đồng, bà L thanh toán 50.000.000 đồng số tiền còn lại 53.000.000 đồng. Đến ngày 24/12/2016 (*tức ngày 21/01/2017 dương lịch*) bà L thanh toán 28.200.000 đồng số tiền còn nợ là 24.800.000 đồng. Bà P viết thành một “Giấy vay tiền” mới hẹn 30 ngày sau sẽ trả đủ (*Bút lục 16*).

Đối với khoản tiền vay đầu năm 2016: Bà L vay 300.000.000 đồng, đến ngày 06/7/2016 âm lịch (*tức ngày 08/8/2016 dương lịch*) bà P và bà L chốt nợ cụ thể: Nợ gốc: 150.000.000 đồng, nợ lãi 24.700.000 đồng tổng 174.700.000 đồng bà L thanh toán 50.000.000 đồng còn lại 124.700.000 đồng. Đến ngày 24/12/2016 (*tức ngày 21/01/2017 dương lịch*) bà P và bà L tiếp tục chốt nợ theo đó bà L còn nợ 124.000.000 đồng và ghi thành 01 “Giấy vay tiền ” mới hẹn đến ngày 24/01/2017 (*tức ngày 20/02/2017 dương lịch*) sẽ trả đủ (*BL 15*).

Bà P đã yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng đến nay bà L vẫn chưa thanh toán số tiền nợ trên. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L phải thanh toán tổng số tiền 148.800.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Vi Thị L trình bày: Bà L cơ bản thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn và bổ sung thêm: Về lãi suất khi vay số các bên thỏa thuận lãi suất là 30.000 đồng/triệu/năm, khi thanh toán bà P tính lãi suất: 3.000 đồng/triệu/ngày. Bà L đã thanh toán tất cả các khoản nợ gốc cho bà P. Đối với số tiền 53.000.000 là tiền lãi của các khoản vay. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Người có quyền lời nghĩa vụ liên quan NLQ1 trình bày: Đối với các khoản vay giữa bà L và bà P ông không biết, bà L vay số tiền trên của bà P để sử dụng vào mục đích cá nhân nên ông không đồng ý cùng bà L thanh toán nợ cho bà P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Điều 468 và Điều 470 của bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P

Buộc bà Vi Thị L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị P và NLQ2 số tiền 162.433.800 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 148.800.000 đồng, tiền lãi là 13.633.800 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về phần lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/02/2018 bà Vi Thị L làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án số: 03/2018/DS-ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện K.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P và bà Vi Thị L thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Vi Thị L sẽ trả cho bà Nguyễn Thị P và NLQ2 số tiền còn nợ là 148.800.000 đồng. Thời gian trả vào ngày 30/12/2018 (dương lịch). Nếu đến thời hạn trên mà bà L không thực hiện đúng như thỏa thuận thì phải chịu lãi xuất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và có quyền yêu cầu thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vi Thị L phải chịu 7.440.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

- Đơn kháng cáo của bà Vi Thị L làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung : Nhận thấy thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái với đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện K đúng như thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Vi Thị L nộp trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét thấy tại phiên toà phúc thẩm bà Vi Thị L và bà Nguyễn Thị P đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thoả thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[3]. Về tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P 3.720.000 đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai 0000044 ngày 22/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[4]. Về án án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, công nhận sự thoả thuận của bà Vi Thị L và bà Nguyễn Thị P, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị P và bà Vi Thị L thống nhất thoả thuận như sau: Bà Vi Thị L sẽ trả cho bà Nguyễn Thị P và NLQ2 số tiền còn nợ là 148.800.000 đồng. Thời gian trả vào ngày 30/12/2018 (dương lịch). Nếu đến thời hạn trên mà bà L không thực hiện đúng như thoả thuận thì phải chịu lãi xuất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và có quyền yêu cầu thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vi Thị L phải chịu 7.440.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2]. Về tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P 3.720.000 đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai 0000044 ngày 22/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà L đã nộp theo biên lai số 0000168 ngày 28/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chiến